

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các
Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn
tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng
6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng
4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương
trình mục tiêu quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2066/TTr-
SKHĐT ngày 09 tháng 8 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2024.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm phục vụ HCC;
- TT.HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng: KT, TH, KGVX;
- Lưu: VT. 47B



Trần Tuệ Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia
giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2024-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

- Phù hợp với quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.
- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, phân định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành và địa phương trong triển khai thực hiện chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp, đề cao tinh thần trách nhiệm của cơ sở.
- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan trong quản lý, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả, tránh trùng lặp, thất thoát, lãng phí. Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ,
QUYẾT TOÁN DỰ ÁN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 4. Phân cấp quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh để giao nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách, phương hướng, giải pháp thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều phối hoạt động giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, tổ chức có liên quan trong việc quản lý, điều hành, triển khai, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện để giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

3. Cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Ban Quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã (Ban Quản lý xã) để giúp Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã.

Điều 5. Phân cấp lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia

Dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia không phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm d, khoản 6, Điều 18 Luật Đầu tư công 2019. Việc phân cấp quản lý đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

1. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư các dự án đầu tư giao cho các sở, ngành và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm Chủ đầu tư (hoặc giao chuẩn bị dự án).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định đầu tư các dự án đầu tư giao cho các phòng, đơn vị thuộc huyện, thị xã, thành phố, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn làm Chủ đầu tư (hoặc giao chuẩn bị dự án).

2. Thẩm định dự án đầu tư

a) Việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, thẩm định dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và theo các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.

b) Việc thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Đầu tư công năm 2019; khoản 1, khoản 4, khoản 6 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Điều 6. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Trình tự, thủ tục, hồ sơ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc hồ sơ xây dựng công trình (gọi chung là dự án) là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

3. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra.

b) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì tổ chức thẩm tra.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

3. Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các Sở, ban, ngành, tổ chức khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 6 Chương II của quy định kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết và quy định kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 và Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và các quy định, văn bản có liên quan.

Điều 8. Giao nhiệm vụ Chủ đầu tư

Việc giao trách nhiệm Chủ đầu tư các dự án đầu tư thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm các dự án sử dụng vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia và lồng ghép với các nguồn vốn chương trình, dự án khác, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác), như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư đối với công trình/dự án sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia do cấp tỉnh quản lý.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư đối với công trình/dự án sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia do cấp huyện quản lý.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới có trách nhiệm:

- a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

b) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo triển khai các nội dung có liên quan cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để thực hiện Chương trình.

c) Chủ trì xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 05 năm và hàng năm trên địa bàn tỉnh theo quy định.

d) Phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình. Tổ chức quản lý, sử dụng kinh phí giao cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo quy định, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí; quyết toán kinh phí theo quy định.

đ) Hướng dẫn các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện, triển khai các hoạt động của Chương trình. Thực hiện công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 05 năm và hàng năm trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định pháp luật có liên quan.

e) Tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ của Chương trình và việc sử dụng kinh phí theo định kỳ hằng quý, hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các bộ, ngành trung ương theo quy định, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để theo dõi.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững có trách nhiệm:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

b) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo triển khai các nội dung có liên quan cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để thực hiện Chương trình.

c) Chủ trì xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 05 năm và hàng năm trên địa bàn tỉnh theo quy định.

d) Phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình. Tổ chức quản lý, sử dụng kinh phí giao cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo quy định, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí; quyết toán kinh phí theo quy định.

đ) Hướng dẫn các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện, triển khai các hoạt động của Chương trình. Thực hiện công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 05 năm và hàng năm trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định pháp luật có liên quan.

e) Tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ của Chương trình và việc sử dụng kinh phí theo định kỳ hằng quý, hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các bộ, ngành trung ương theo quy định, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để theo dõi.

3. Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có trách nhiệm:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

b) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo triển khai các nội dung có liên quan cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để thực hiện Chương trình.

c) Chủ trì xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 05 năm và hàng năm trên địa bàn tỉnh theo quy định.

d) Phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình. Tổ chức quản lý, sử dụng kinh phí giao cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo quy định, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí; quyết toán kinh phí theo quy định.

đ) Hướng dẫn các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện, triển khai các hoạt động của Chương trình. Thực hiện công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 05 năm và hàng năm trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định pháp luật có liên quan.

e) Tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ của Chương trình và việc sử dụng kinh phí theo định kỳ hằng quý, hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các bộ, ngành trung ương theo quy định, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để theo dõi.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan chủ trì dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 05 năm và hàng năm gửi cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia để tổng hợp vào kế hoạch chung.

2. Tổ chức triển khai các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia được phân công đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí; quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn nghiệp vụ triển khai thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác giám sát, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 05 năm và hàng năm trên địa bàn tỉnh. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết vốn đầu tư công thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh cho các cơ quan đơn vị, địa phương thực hiện.

2. Tổng hợp chung các báo cáo tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các bộ, ngành trung ương.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp; cơ chế thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; chủ trì phối hợp với các cơ quan chủ trì chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần tổng hợp kế hoạch, thẩm định phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước 05 năm và hàng năm để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền giao dự toán chi tiết thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị thực hiện.

3. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tài chính, quản lý nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo phân cấp và theo chức năng, nhiệm vụ.

4. Phối hợp báo cáo tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các bộ, ngành trung ương.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Căn cứ hướng dẫn của cơ quan chủ trì chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức xây dựng kế hoạch, đề xuất nhu cầu kinh phí giai đoạn 05 năm và hằng năm thực hiện các nhiệm vụ, nội dung, dự án thành phần gửi cơ quan chủ trì chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần để tổng hợp vào kế hoạch chung.

2. Chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ các nội dung, dự án được giao; sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ đúng mục đích, có hiệu quả; quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (hàng quý, hàng năm, giữa kỳ, kết thúc chương trình) hoặc đột xuất báo cáo cấp có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình và quy định hiện hành.

2. Triển khai xây dựng kế hoạch, tổng hợp kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn; đồng thời, tham mưu, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

3. Sử dụng kinh phí của các Chương trình mục tiêu quốc gia theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao trên địa bàn bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng với các tiêu chuẩn, định mức phân bổ vốn theo quy định; thực hiện quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định.

4. Thực hiện chế độ báo cáo, giám sát đánh giá các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, gửi về cơ quan thường trực chương trình, cơ quan chủ trì chương trình, các cơ quan chủ trì dự án thành phần theo yêu cầu.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Xây dựng kế hoạch, đề xuất nhu cầu kinh phí giai đoạn 05 năm và hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp.

2. Chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ các hoạt động, dự án được giao. Tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

3. Quản lý, sử dụng kinh phí của các Chương trình mục tiêu quốc gia theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao trên địa bàn đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, đúng với các tiêu chuẩn, định mức phân bổ vốn theo quy định; chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

4. Tuyên truyền, vận động sự tham gia cộng đồng dân cư trong quá trình lập và tổ chức thực hiện kế hoạch, đồng thời, phát huy vai trò giám sát của cộng đồng đối với kế hoạch thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Chịu trách nhiệm về việc xác định đối tượng thụ hưởng các chính sách, dự án thuộc kế hoạch được triển khai trên địa bàn; thông báo công khai, minh bạch về đối tượng thụ hưởng, mức vốn kế hoạch, quyết toán kinh phí từng năm và cả giai đoạn của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

6. Tổ chức quản lý, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả công trình trên địa bàn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

7. Thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu theo quy định.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc thực tế phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp) để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

